**Trường: THCS Nam Mỹ Họ tên giáo viên: Nguyễn Thị Kim Thoa**

**Tổ: Khoa học Tự nhiên. Ngày soạn: 19/09/2022**

**Tiết: 34+ 35- Kiểm tra giữa kì I lớp 6**

**Bộ sách: Cánh diều Thời gian: 60 phút**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực KHTN**

- Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên

- Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.

- Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống.

- Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành

- Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên ( các dụng cụ đo chiều dài, thể tích,...)

- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng

- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo.

- Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng, chiều dài, thời gian

- Nêu được khái niệm về sự nóng chảy, sự bay hơi, sự ngưng tụ, đông đặc

- Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.

- Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí

- Phân tích, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu,...

- Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất ( tính cứng, bị gỉ,…)của một số vật liệu, nhiên liệu,...

**2. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ ôn tập chuẩn bị tốt cho bài kiểm tra

- Trung thực khi làm bài kiểm tra

- Trách nhiệm: Làm và trình bày bài cẩn thận, đẹp, khoa học

**II. YÊU CẦU**

1.Giáo viên:

2. Học sinh:

**III. TIẾN TRÌNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Hoạt động** | **Tên bài kiểm tra** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** |
| 1 | 45 phút | Kiểm tra giữa kì I | Kiểm tra viết | Bài kiểm tra (TN+ TL) |
| 2 | 15 phút | Kiểm tra giữa kì I | Kiểm tra viết | Bài kiểm tra (TN+ TL) |
| 30 phút | Chữa bài kiểm tra |  |  |

## 1. Khung ma trận

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giũa học kì 1 khi kết thúc nội dung 5. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm*

**- Thời gian làm bài:** *60 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm *(gồm 16 câu hỏi, nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm;*

- Phần tự luận: 6,0 điểm *(Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).*

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| *1. Mở đầu (7 tiết)* | 1 | 4 | 1 | 2 |  |  |  |  | 2 | 6 | 2,5 |
| *2. Các phép đo( 10 tiết)* | **1** | 4 | 2 |  | 1 |  |  |  | 4 | 4 | 3,0 |
| *3. Các thể (trạng thái) của chất. Oxygen (oxi) và không khí.(8 tiết)* |  | 4 | 1 |  |  |  | 1 |  | 2 | 4 | 2,5 |
| *4. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng.( 7 tiết)* |  |  |  | 2 | 1 |  |  |  | 1 | 2 | 2,0 |
| **Số câu** | **2** | **12** | **4** | **4** | **2** | **0** | **1** | **0** | 9 | 16 | 10,00 |
| **Điểm số** | **1,0** | **3,0** | **2,0** | **1,0** | **2,0** | **0** | **1,0** | **0** | **6,0** | **4,0** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

**2) Bản đặc tả**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (Số ý) | TN  (Số câu) |
| ***1. Mở đầu (7 tiết)*** | | | **2** | **6** |  |  |
| - Giới thiệu về Khoa học tự nhiên. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên  - Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong  phòng thực hành | **Nhận biết** | – Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên. |  | 1 |  | C1 |
| – Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. |  | 2 |  | C5,6 |
| – Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiển vi,...). | 1 | 1 | C3a | C4 |
| – Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | – Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. | 1 |  | C1a |  |
| – Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. |  | 2 |  | C2,3 |
| **Vận dụng thấp** | – Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. |  |  |  |  |
| – Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. |  |  |  |  |
| – Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. |  |  |  |  |
|  | ***2. Các phép đo (10 tiết)*** | | **4** | **4** |  |  |
| - Đo chiều dài, khối lượng  và thời gian  - Thang nhiệt độ Celsius, đo nhiệt độ | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| - Nêu được cách đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  | 1 |  | C10 |
| - Nêu được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  | 3 |  | C7,8,9 |
| - Nêu được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian. | 1 |  | C2a |  |
| – Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. |  |  |  |  |
| – Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. |  |  |  |  |
| – Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ) | 1 |  | C1b |  |
| – Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo. | 1 |  | C2b |  |
| - Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Dùng thước (cân, đồng hồ) để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. | 1 |  | C3b |  |
| – Thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiêt độ) bằng thước (cân đồng hồ, đồng hồ, nhiệt kế) *(không yêu cầu tìm sai số).* |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc cao** | Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) khi quan sát một số hiện tượng trong thực tế ngoài ví dụ trong sách giáo khoa. |  |  |  |  |
|  | ***3. Các thể (trạng thái) của chất. Oxygen (oxi) và không khí (7 tiết)*** | | **2** | **4** |  |  |
| – Sự đa dạng của chất  – Ba thể (trạng thái) cơ bản của  – Sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất | **Nhận biết** | Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh) |  |  |  |  |
| – Nêu được chất có ở xung quanh chúng ta. |  |  |  |  |
| – Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên. |  |  |  |  |
| - Nêu được chất có trong các vật thể nhân tạo. |  |  |  |  |
| **-** Nêu được chất có trong các vật vô sinh. |  |  |  |  |
| - Nêu được chất có trong các vật hữu sinh. |  |  |  |  |
| Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự nóng chảy |  | 1 |  | C11 |
| – Nêu được khái niệm về sự sự sôi. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự bay hơi. |  | 1 |  | C13 |
| – Nêu được khái niệm về sự ngưng tụ. |  | 1 |  | C14 |
| – Nêu được khái niệm về sự đông đặc. |  | 1 |  | C12 |
|  | – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể rắn. |  |  |  |  |
| – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể lỏng. |  |  |  |  |
| – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể khí. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự nóng chảy |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự đông đặc. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự bay hơi. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự ngưng tụ |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự sôi. |  |  |  |  |
| - Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh. |  |  |  |  |
| – Nêu được tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất. |  |  |  |  |
| – Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...). |  |  |  |  |
| – Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. |  |  |  |  |
| – Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước). |  |  |  |  |
| – Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. |  |  |  |  |
| – Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | – Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. | 1 |  | C5a |  |
| - So sánh được khoảng cách giữa các phân tử ở ba trạng thái rắn, lỏng và khí. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể rắn sang thể lỏng của chất và ngược lại. |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể lỏng sang thể khí. |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí. |  |  |  |  |
| – Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Dự đoán được tốc độ bay hơi phụ thuộc vào 3 yếu tố: nhiệt độ, mặt thoáng chất lỏng và gió.  - Đưa ra được biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí.  – Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. | 1 |  | C5b |  |
|  | ***4. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng (8 tiết)*** | | **1** | **2** |  |  |
| – Một số vật liệu  – Một số nhiên liệu  – Một số nguyên liệu  – Một số lương thực – thực phẩm | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh,... |  |  |  |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu, ... |  |  |  |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: quặng, đá vôi, ... |  |  |  |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực – thực phẩm trong cuộc sống. |  |  |  |  |
| – Trình bày được sơ lược về an ninh năng lượng. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | Phân tích, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm. |  | 2 |  | C15,16 |
| **Vận dụng** | – Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng. | 1 |  | C4 |  |
| – Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Đưa ra được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. |  |  |  |  |

**3, Đề kiểm tra**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Khoa học tự nhiên - Lớp 6**

**Thời gian làm bài: 60 phút**

**A. TRẮC NGHIỆM:**

*Khoanh tròn vào chữ cái (A, B, C, D) đứng trước câu trả lời đúng nhất*

**Câu 1:** Hoạt động nào sau đây là hoạt động nghiên cứu khoa học tự nhiên

A. Vận chuyển xăng, dầu

B. Nghiên cứu tìm ra vacxin phòng chống Covid- 19

C. Tập thể dục giữa giờ

D. Đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản

#### Câu 2: Sự tồn tại của vật nào dưới đây không cần đến sự có mặt của không khí ?

A. Con ong      B. Con sóc C. Con thoi      D. Con thỏ

#### Câu 3. Hiện tượng nào dưới đây phản ánh sự sống ?

A. Cá trương phình và trôi dạt vào bờ biển

B. Chồi non vươn lên khỏi mặt đất

C. Quả bóng tăng dần kích thước khi được thổi

D. Chiếc bàn bị mục rỗng

**Câu 4.**Trong các phát biểu sau, phát biểu nào là phát biểu **không** đúng?

A. Quan sát gân lá cây ta dùng kính lúp.

B. Quan sát tế bào virus ta dùng kính hiển vi.

C. Để đo thể tích hòn đá bỏ lọt bình chia độ ta cần bình chia độ, bình tràn và bình chứa.

D. Để lấy một lượng chất lỏng ta dùng ống hút nhỏ giọt.

**Câu 5:** Việc làm nào sau đây được cho là **không** an toàn trong phòng thực hành?

A. Tự ý làm thí nghiệm

B. Đeo găng tay khi lấy hóa chất.

C. Quan sát lối thoát hiểm của phòng thực hành.

D. Rửa tay trước khi ra khỏi phòng thực hành.

**Câu 6:** Việc nào sau đây là việc **không** nên làm trong phòng thực hành?

A. Làm thí nghiệm dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

B. Giữ phòng thực hành ngăn nắp, sạch sẽ

C. Chạy nhảy trong phòng thực hành.

D. Cẩn thận khi dùng lửa bằng đèn cồn để phòng tránh cháy nổ.

**Câu 7.** Đơn vị nào dưới đây dùng để đo khối lượng?

A. mét. B. centimét. C. gam. D. nanômét.

**Câu 8.** Kí hiệu nào sau đây **không dùng** để đo chiều dài?

A. cm B. km C. oC D. dm

**Câu 9:** Đơn vị **không** dùng để đo thời gian là

A. ngày B. phút. C. giờ. D. dặm.

**Câu 10:** Sắp xếp thứ tự các bước dưới đây một cách phù hợp nhất để đo được độ dài của một vật?

1. Ước lượng độ dài cần đo để chọn thước cho phù hợp
2. Đặt thước dọc theo chiều dài cần đo vật, sao cho một đầu của vật thẳng với vạch số 0 của thước
3. Đọc và ghi kết quả với vạch chia gần nhất với đầu còn lại của vật
4. Đặt mắt nhìn theo hướng vuông góc với cạnh thước ở đầu còn lại của vật
5. (1),(2),(3),(4)
6. (1),(2),(4),(3)
7. (1),(3),(4),(2)
8. (4),(1),(2),(3)

**Câu 11.** Sự nóng chảy là sự chuyển thể từ

A. thể rắn sang thể lỏng của chất. B. thể lỏng sang thể rắn của chất.

C. từ thể lỏng sang thể hơi của chất. D. từ thể hơi sang thể lỏng của chất.

**Câu 12.** Sự đông đặc là sự chuyển thể từ

A. thể rắn sang thể lỏng của chất. B. từ thể hơi sang thể lỏng của chất.

C. từ thể lỏng sang thể hơi của chất. D. thể lỏng sang thể rắn của chất.

**Câu 13.** Sự bay hơi là sự chuyển thể từ

A. thể rắn sang thể lỏng của chất. B. thể lỏng sang thể rắn của chất.

C. từ thể lỏng sang thể hơi của chất. D. từ thể hơi sang thể lỏng của chất.

**Câu 14.** Sự ngưng tụ là sự chuyển thể từ

A. thể rắn sang thể lỏng của chất. B. thể lỏng sang thể rắn của chất.

C. từ thể lỏng sang thể hơi của chất. D. từ thể hơi sang thể lỏng của chất.

**Câu 15.**Nhiên liệu nào sau đây ít ảnh hưởng đến môi trường?

A. Than B. Xăng sinh học C. Khí hóa lỏng D. Dầu diesel

**Câu 16.** Tính chất nào dưới đây **không phải** là tính chất chung của kim loại?

A. Tính dẫn điện             B. Tính dẻo                 C. Tính nhiễm từ             D. Tính dẫn nhiệt

**II. TỰ LUẬN: 6,0 điểm**

**Câu 1**. **(1,0 điểm)**

a**,** Phân biệt các lĩnh vực của khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.

b, Lấy 02 ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng.

**Câu 2.( 1,0 điểm)**

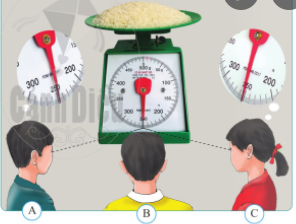
a, Nêu các dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian

b, Tại sao cần ước lượng chiều dài của vật trước khi đo

**Câu 3. (1,0 điểm)**

a,Em hãy trình bày cách sử dụng kính lúp.

b, Quan sát **Hình 1**, em cho biết bạn nào sẽ đọc sai kết quả và nêu cách khắc phục.

****

**Hình 1**

**Câu 4. (1,5 điểm)** Đề xuất phương án tìm hiểu về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu hoàn thành bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên vật liệu** | **Tính chất cơ bản** | **Đề xuất cách kiểm tra** | **Dấu hiệu** |
| Nhựa | Nhẹ | Lấy mẫu nhựa đặt vào chậu nước | Mẫu nhựa nổi trên mặt nước |
| Cao su | Đàn hồi, không thấm nước | … | … |
| Dây nhôm | Dẫn nhiệt | … | … |
| Sắt | Dễ bị Oxi hoá( bị gỉ) | … | … |

**Câu 5. (1, 5 điểm)**.

a, Đưa ra ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất theo bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chất | Thể(ở nhiệt độ phòng) | Đặc điểm nhận biết | Ví dụ vật thể chứa chất đó |
| … | Rắn | … | ... |
| … | Lỏng | … | … |
| … | Khí | … | … |

b, Em hãy đưa ra biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí?

---------- Hết ----------

**4.** **Hướng dẫn chấm và biểu điểm.**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Khoa học tự nhiên - Lớp 6**

**I/ Trắc nghiệm: *Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| **Đáp án** | **B** | **C** | **B** | **C** | **A** | **C** | **C** | **C** | **D** | **B** | **A** | **D** | **C** | **C** | **B** | **C** |

**II/ Tự luận**

**Câu 2:**

**Câu 2a** (0,5 đ)

HS nêu đúng 02 dụng cụ ( 0,1 đ)

HS nêu đúng 10 dụng cụ ( 0,5 đ)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Đo chiều dài** | **Đô khối lượng** | **Đo thời gian** |
| **Tên dụng cụ thường dùng** | Thước cuộn, thước kẻ thẳng, thước dây | Cân đồng hồ, cân điện tử, cân lò xo, cân y tế | Đồng hồ bấm dây điện tử, đồng hồ treo tường,… |

**Câu 2b:** Ta cần ước lượng chiều dài trước khi đo để chọn thước đo thích hợp với độ dài cần đo(0,5 đ)

**Câu 4:** Mỗi nội dung trong ô trống HS hoàn thành đúng được 0,25 đ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên vật liệu** | **Tính chất cơ bản** | **Đề xuất cách kiểm tra** | **Dấu hiệu** |
| Nhựa | Nhẹ | Lấy mẫu nhựa đặt vào chậu nước | Mẫu nhựa nổi trên mặt nước |
| Cao su | Đàn hồi, không thấm nước | - Thổi bóng bay  - Đổ nước vào trong quả bóng bay | **-** Bóng sẽ dãn và to ra  - Nước không bị thấm ra ngoài |
| Dây nhôm | Dẫn nhiệt | Hơ trên ngọn lửa 1 đầu dây nhôm | Đầu dây còn lại ta sẽ thấy nóng |
| Sắt | Dễ bị Oxi hoá( bị gỉ) | Ngâm 1 đinh sắt vào nước muối | Sau một vài ngày đinh sắt bị gỉ |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **MỨC 1** | **MỨC 2** | **MỨC 3** |
| **1a** | HS kể tên 5 lĩnh vực ( 0,25 đ) | Kể tên 5 lĩnh vực, nêu được đối tượng nghiên cứu của 2🡪3 lĩnh vực để phân biệt( 0,4 đ) | Kể tên 5 lĩnh vực, nêu được đối tượng nghiên cứu của 5 lĩnh vực để phân biệt( 0,5 đ) |
| **1b** | Lấy đúng 1 ví dụ (0,25đ) | Lấy đúng 2 ví dụ(0,5 đ) |  |
| **3a** | Trình bày được: Để mặt kính gần mẫu vật quan sát, mắt nhìn vào mặt kính ( 0,2 đ) | Để mặt kính gần mẫu vật quan sát, mắt nhìn vào mặt kính và điều chỉnh khoảng cách ( 0,3 đ) | Để mặt kính gần mẫu vật quan sát, mắt nhìn vào mặt kính và điều chỉnh khoảng cách giữa kính và vật quan sát sao cho nhìn rõ vật( 0,5 đ) |
| **3b** | Bạn A, C sẽ đọc sai( 0,25 đ*)* | - Bạn A, C sẽ đọc sai  - Cách khắc phục: Đặt mắt nhìn theo hướng vuông góc với mặt số để ghi số chỉ của kim cân theo vạch chia gần nhất. Khối lượng của vật đem cân là chỉ số của kim cân(0,5 đ) |  |
| **5a** | HS hoàn thành đúng 5/9 nội dung trong bảng(0,25 đ) | HS hoàn thành đúng, đủ nội dung trong bảng 0,5 đ) |  |
| **5b** | HS đưa ra được 2🡪3 biện pháp( 0,5 đ) | HS đưa ra được 5 biện pháp( 0,75 đ) | HS đưa ra được trên 5 biện pháp ( 1 đ) |

*Lưu ý: Học sinh làm bài theo cách khác, nếu đúng, lập luận chặt chẽ vẫn chấm điểm tối đa*

**5.Nhận xét**:………………………………………………………………………………………